

Số: 157/2019/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG
Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Điền
Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Cầu
Ông Mai Xuân Thành

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 05/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Yêu cầu chia thừa kế” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Ông Trương Hữu H; địa chỉ: Thôn T1, xã P2, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Ông Trương Hữu M; địa chỉ: 01/35 đường L, phường P3, thành phố H4.
- Bà Trương Thị H1; địa chỉ thường trú: 12201 Adrian St.Apt#a Garden Grove.CA.92840, USA.

Người đại diện theo quyền của bà Trương Thị H1: ông Nguyễn Hoài N; địa chỉ: 70 đường Ph, phường T2, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền có chứng thực tại UBND phường P3 ngày 09/3/2018).

- Bị đơn:

Ông Trương Hữu K; địa chỉ: 06/12 Kiệt 281 Đường C, phường P, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Hữu K: Ông Trần Văn Th; địa chỉ: 115 đường Ph2, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền có chứng thực tại UBND phường P3 ngày 17/7/2018).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị V; địa chỉ: 34 đường L2, phường T3, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Bà Trương Thị V1; địa chỉ: 147 đường B, phường P5, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Ông Trương Hữu Th1; địa chỉ: 33 Lô K, khu TĐC L1, phường P5, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Bà Dương Thị Minh T; địa chỉ: 06/12 Kiệt 281 Đường C, phường P, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại đơn kháng cáo ngày 27 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn là các ông Trương Hữu H, Trương Hữu M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị H1 là ông Nguyễn Hoài N kháng cáo toàn bộ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm với lý do: (1) Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự để quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng pháp luật; (2) các nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhà đất có nguồn gốc của cụ H2 và cụ Q, mặc dù có Quyết định số 150/QĐ/UB trưng thu, nhưng UBND tỉnh Bình Trị Thiên không công bố quyết định, không trực tiếp quản lý mà gia đình cụ H2 vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay. Căn cứ vào điểm a và điểm d Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 thì nhà đất nêu trên đương nhiên các con của cụ H2 và cụ Q được thực hiện các quyền của người sử dụng đất, trong đó có quyền yêu cầu chia thừa kế. Do đó, các nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 05/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Theo nội dung Đơn kháng cáo ngày 27/5/2019 và Đơn trình bày ý kiến ngày 03/7/2019, các nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc nhà và đất thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 239,2 m² tại địa chỉ 06/12 Kiệt 281 Đường C, phường P, thành phố H4 do cụ Trương Hữu H2 và Hồ Thị Q tạo lập trước ngày giải phóng. Vì cụ H3 (H2) là Trung úy cảnh sát Mỹ - Ngụy nên ngày 22/02/1983, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Trị Thiên đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-UB “V/v xử lý nhà, đất đối tượng IV/2-QĐ 111/CP” trưng thu căn nhà và đất nêu trên (tại địa chỉ số nhà 9/5 đường C, phường P, thành phố H4). Tuy nhiên, Nhà nước không giao quyết định này cho cụ H3 (H2), không thực hiện việc trưng thu và gia đình cụ H2 vẫn quản lý, sử dụng ổn định từ thời gian đó đến nay. Quá trình sử dụng đất, năm 1984 ông Trương Hữu H (là con trai trưởng của cụ H2) đứng tên đăng ký kê khai và có tên trên sổ đăng ký và bản đồ 299 hiện lưu giữ tại UBND phường P; năm 1996, Đoàn 202 tiến hành đo đạc thực địa bản đồ thì ông Trương Hữu K (là con cụ H2, hiện đang quản lý di sản) đứng tên kê khai và có tên trên bản đồ 202, thửa đất số 50, diện tích 238,7 m²; năm 1998, ông Trương Hữu H và ông Trương Hữu K đứng ra kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận vì các con của cụ H2 chưa thống nhất việc chia thừa kế; năm 2003, các con của cụ H2 thống nhất góp tiền để cải tạo xây dựng lại ngôi nhà chính do vợ chồng cụ H2 để lại làm nhà thờ và hỗ trợ thêm cho ông K xây dựng một ngôi nhà để gia đình ông K sinh sống, trông coi hương khói nhà thờ; năm 2005, ông K tự kê khai gian dối để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AD 925045 ngày 04/8/2005. Sau đó, ông K có hành động ngăn

cản không cho các anh em con của cụ H2 vào nhà cúng giỗ nên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017, các anh chị em ông K khiếu nại thì được UBND thành phố H4 ban hành các văn bản thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho ông K với lý do: Tại thời điểm cấp GCNQSD đất, nhà đất là tài sản của ông Trương Hữu H2 và bà Hồ Thị Q đã có Quyết định trưng thu của UBND tỉnh Bình Trị Thiên; không có căn cứ chứng minh ông K mua lại của bà Trương Thị Thuận. Do đó, tháng 3/2018 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cha mẹ là cụ Trương Hữu H2 và bà Hồ Thị Q để lại, cụ thể là 03 nguyên đơn yêu cầu được nhận chung 3/7 diện tích đất tương đương 100 m² đất để làm nơi thờ tự, phần còn lại giao hết cho vợ chồng ông K.

[2] Xét các căn cứ ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm thì thấy:

[2.1] Tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án” có hướng dẫn về “Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như sau:

“1. Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật là trường hợp pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật khác có quy định về các điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó...”

2. Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án”.

Trong vụ án này, các nguyên đơn khởi kiện vụ án dân sự về “Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất”. Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên thì vụ án này không thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét nội dung nhận định tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án “... các đồng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc thừa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 239,2 m², tọa lạc tại số 06/12 kiệt 281 Đường C, phường P, thành phố H4, tỉnh Thừa

Thiên Huế là di sản thừa kế của bố mẹ là ông Trương Hữu H2 (Trương Hữu H3) và bà Hồ Thị Q để lại”, thì thấy:

[2.2.1] Khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, các đương sự đã giao nộp cho Tòa án một số văn bản, tài liệu gồm có:

- Bản sao có chứng thực Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/02/1983 “V/v xử lý nhà, đất đối tượng IV/2-QĐ 111/CP” của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên. Tại Điều 1 Quyết định này có nội dung: *“Nhà nước trưng thu toàn bộ cơ sở nhà và đất cùng trang thiết bị bên trong và bên ngoài khuôn viên số nhà 9/5 đường C, phường P, thành phố H4 của ông Trương Hữu H3 nguyên Trung úy Cảnh sát thuộc Chính quyền Mỹ, Ngụy”*.

- Văn bản số 42/UBND-ĐCXĐ ngày 16/3/2018 của UBND phường P “Về việc cung cấp thông tin thửa đất tọa lạc tại địa chỉ 6/12 kiệt 281 đường C” kèm theo một số tài liệu có liên quan, thể hiện: (1) Tại tờ bản đồ 299 đo vẽ năm 1984-1986 và sổ đã ngoại bản đồ 299 do ông Trương Hữu H (anh ông K) kê khai đăng ký thửa đất số 1259, diện tích 264 m²; (2) Bản đồ 202 đo vẽ năm 1996-1997 và bản đồ Gis đo vẽ năm 2007-2009 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 238,7 m² do ông Trương Hữu K kê khai đăng ký; (3) Hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 1998 do ông Trương Hữu K tự kê khai nguồn gốc sử dụng đất là các con thừa kế của cha mẹ từ năm 1946, nhà ở có sửa chữa xây dựng thêm, giấy kê khai có chữ ký của ông Trương Hữu K, Trương Hữu H và bà Dương Thị Minh T; (4) Tại sổ danh sách hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất do UBND phường P lập ngày 28/12/1998 ông K kê khai đăng ký nhà đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 283,2 m², đất ở, có ghi đã sử dụng từ năm 1946, chưa làm thủ tục thừa kế.

- Tại “Đơn trình về việc bổ sung tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ” đề ngày 07/8/2018 (BL.36,37), các nguyên đơn trình bày: *“Về nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp là do ông Trương Hữu H2 và bà Hồ Thị Q tạo lập từ năm 1946 và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất...; về tài liệu chứng cứ xác thực những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và người thừa kế thế vị đối với di sản do ông H2, bà Q để lại do điều kiện chiến tranh loạn lạc và nhiều trận lũ lụt nên hầu hết giấy tờ đều đã mất, bị lũ cuốn trôi, chỉ có một số người còn lưu giữ (giấy khai sinh của các bà Trương Thị H1, Trương Thị V1; bản khai nhân khẩu của ông K) nhưng chỉ là bản phô tô nên đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ tại tàng thư hộ khẩu gốc của gia đình tại Công an thành phố H4”*. Tại “Đơn trình bày” ngày 04/3/2019 (BL.110-112), các nguyên đơn cũng trình bày nguồn gốc nhà đất có tranh chấp là của cụ Trương Hữu H2 và bà Hồ Thị Q tạo lập; mặc dù nhà đất này đã có văn bản của Nhà nước trưng thu (Quyết định số 150-QĐ/UB ngày 22/02/1983) nhưng căn cứ vào Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Quyết định số 150-QĐ/UB không còn phù hợp, đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định số 150-QĐ/UB ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh Bình Trị Thiên.

[2.2.2] Tại Văn bản số 79/UBND-KNTC ngày 09/01/2019, UBND thành phố H4 cung cấp:

“Nguồn gốc nhà đất thể hiện: Ngày 22/02/1983, UBND tỉnh Bình Trị Thiên đã có Quyết định số 150/QĐ/UB về việc xử lý nhà đất thuộc đối tượng IV/2-QĐ 111/CP đối với khu nhà đất số 9/5 Đường C (số mới là 6/12 kiệt 281 Đường C), phường P, thành phố H4. Như vậy, nhà đất nêu trên thuộc diện Nhà nước trưng thu theo Chính sách quản lý và cải tạo Xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất ở đô thị ở các tỉnh phía Nam theo Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 và Quyết định số 350/CP ngày 17/11/1977 của Hội đồng Chính phủ. Đồng thời, ngày 14/12/1983, Đoàn thẩm tra nhà đất cũng đã lập biên bản kiểm tra thực tế hiện trạng ngôi nhà; sau khi kiểm tra thì **Đoàn thẩm tra đã giao lại cho ông Trương Hữu H2 sử dụng và bảo quản dưới sự giám sát của chính quyền địa phương** và không được bán, chuyển nhượng các bất động sản đã kê ở trên...

Ngày 04/8/2006, UBND Thành phố đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 925045 cho ông bà Trương Hữu K - Dương Thị Minh T tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19, diện tích 239 m² tọa lạc tại địa chỉ 6/12 kiệt 281 Đường C, phường P, thành phố H4.

Tuy nhiên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nêu trên không đúng về nguồn gốc sử dụng đất, không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật nên UBND Thành phố đã ban hành:

- Công văn số 2751/UBND-ĐC ngày 02/8/2018 về việc giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật.

- Thông báo số 228/TB-UBND ngày 03/8/2018 về việc giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật.

- Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

Căn cứ Điều 13 của Nghị định số 127/2005/NCC-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003. của Thường vụ Quốc hội thì việc xử lý các vấn đề liên quan đến nhà, đất tại địa chỉ 9/5 Đường C cũ (số mới là 6/12 kiệt 281 Đường C), phường P, thành phố H4 không thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố.

Hiện nay, UBND Thành phố chưa nhận được hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 9/5 Đường C (số mới là 6/12 kiệt 281 Đường C), phường P, thành phố H4. Do đó, UBND Thành phố không có cơ sở để trả lời, xác định việc đủ hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận”.

[2.2.3] Tại Văn bản số 2751/UBND-ĐC ngày 02/8/2018 và Thông báo số 228/TB-UBND ngày 03/8/2018 của UBND thành phố H4 về việc thông báo cho ông Trương Hữu K và bà Dương Thị Minh T các nội dung như sau: Nhà và đất tại địa chỉ 9/5 Đường C (nay là 6/12 kiệt 281 Đường C), phường P, thành phố H4 đã bị Nhà nước trưng thu theo Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/02/1983 của UBND tỉnh Bình Trị Thiên; việc UBND thành phố cấp GCNQSD đất số AD 925045 ngày 04/8/2006 cho ông K bà T là không đúng nguồn gốc đất, không đúng quy định của pháp luật đất đai... vì khu nhà đất này đã bị Nhà nước trưng thu, là tài

sản của Nhà nước. Tại Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 03/8/2018, UBND thành phố H4 đã quyết định thu hồi GCNQSD đất số AD 925045 ngày 04/8/2006 đã cấp cho ông K bà T với lý do là giấy chứng nhận đã cấp không đúng về nguồn gốc sử dụng đất, không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật.

[2.2.4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

(1) Theo lời trình bày của các đương sự và nội dung các văn bản của UBND thành phố H4, UBND phường P tại các mục [2.2.1], [2.2.2], [2.2.3] nêu trên thì có căn cứ xác định: Nhà đất có tranh chấp tại địa chỉ số 6/12 kiệt 281 Đường C, phường P, thành phố H4 chính là nhà đất tại địa chỉ 9/5 Đường C (cũ) là tài sản của cụ Trương Hữu H3 (Trương Hữu H2) đã bị Nhà nước trưng thu theo Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/02/1983 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên. Nhà đất này đã được UBND thành phố H4 cấp GCNQSD đất số AD 925045 ngày 04/8/2006 cho ông K bà T nhưng GCNQSD đất này đã bị thu hồi tại Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND thành phố H4 nên hiện nay các đương sự không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 là đúng. Tuy nhiên, các đồng nguyên đơn cho rằng, thực tế nhà đất này không bị nhà nước trực tiếp quản lý; chủ sở hữu nhà đất tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý và sau khi chủ sở hữu chết thì các con là người thừa kế hợp pháp vẫn trực tiếp quản lý sử dụng. Do đó, căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì họ đương nhiên được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (trong đó có quyền yêu cầu chia thừa kế). UBND thành phố H4 thì cho rằng nhà đất này đã bị Nhà nước trưng thu nên thuộc quyền quản lý của Nhà nước và do sau khi thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông K bà T, UBND thành phố chưa nhận được hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 9/5 Đường C (số mới là 6/12 kiệt 281 Đường C) nên UBND Thành phố không có cơ sở để trả lời, xác định việc đủ hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

(2) Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì để giải quyết yêu cầu chia thừa kế của các đương sự trong vụ án này, Tòa án phải có trách nhiệm xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được để xác định nguồn gốc tài sản, quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với tài sản mà các đương sự cho là di sản của người chết để lại theo các quy định của Bộ luật Dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan để làm căn cứ quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện; đồng thời, các nội dung này phải được xem xét trong quá trình tranh tụng thông qua thủ tục hòa giải, xét xử vụ án. Do đó, nội dung Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “các đồng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông Trương Hữu H3 (Trương Hữu H2) và bà Hồ Thị Q để lại” để làm căn cứ ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, trong khi các đương sự đã giao nộp nhiều tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Trên cơ sở kết quả phân tích tại mục [2.1] và mục [2.2.4] nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật; kháng cáo của các nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên họp là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung cho đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định sơ thẩm bị kháng cáo nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 05/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là các ông Trương Hữu H, Trương Hữu M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị H1 là ông Nguyễn Hoài N không phải chịu. Trả lại cho ông Trương Hữu H, ông Trương Hữu M và bà Trương Thị H1 tổng số tiền 900.000 (chín trăm) nghìn đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo 03 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005522 ngày 06/6/2019, số 005525 và số 005526 cùng ngày 12/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền